

\*

**ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP**  
**Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 33**

**1. Điểm khóa luận tốt nghiệp**

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hà Ngọc Dương	8,25	Tám phẩy hai năm	9	Nông Minh Liễu	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Phạm Thị Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	10	Hoàng Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Trần Nguyên Giáp	8,50	Tám phẩy năm	11	Nông Thị Mây	8,50	Tám phẩy năm
4	Ma Thị Hải	8,25	Tám phẩy hai năm	12	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Quốc Thị Thanh Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	13	Lê Thị Xuân Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Trần Văn Hùng	8,50	Tám phẩy năm	14	Phan Minh Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Hoàng Việt Hưng	8,25	Tám phẩy hai năm	15	Lê Kim Trường	8,50	Tám phẩy năm
8	Phan Tuấn Hưng	8,25	Tám phẩy hai năm	16	Hứa Thanh Tùng	8,25	Tám phẩy hai năm

**2. Điểm thi tốt nghiệp**

1	Nông Anh Ba	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	33	Nông Quốc Huy	7,83	Bảy phẩy tám ba
2	Lê Nam Bắc	7,50	Bảy phẩy năm	34	Đàm Thu Lệ	7,83	Bảy phẩy tám ba
3	Nông Đình Bảng	7,33	Bảy phẩy ba ba	35	Lăng Văn Long	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Đàm Văn Bình	7,50	Bảy phẩy năm	36	Nông Đức Long	7,33	Bảy phẩy ba ba
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,33	Bảy phẩy ba ba	37	Tô Linh Nam	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
6	Bé Ngọc Công	7,42	Bảy phẩy bốn hai	38	Đinh Thị Thanh Nga	7,83	Bảy phẩy tám ba
7	Đinh Văn Cường	7,58	Bảy phẩy năm tám	39	Hà Văn Nghị	7,58	Bảy phẩy năm tám
8	Lương Thị Đào	7,58	Bảy phẩy năm tám	40	Trương Đại Nghĩa	7,42	Bảy phẩy bốn hai
9	Bé Thanh Đạt	7,33	Bảy phẩy ba ba	41	Hoàng Văn Nguyễn	7,33	Bảy phẩy ba ba
10	Đặng Xuân Định	7,58	Bảy phẩy năm tám	42	Nông Thị Minh Nguyệt	7,58	Bảy phẩy năm tám
11	Mã Văn Duệ	7,92	Bảy phẩy chín hai	43	Bé Văn Nhân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	7,92	Bảy phẩy chín hai	44	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
13	Bạch Thái Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Dương Thanh Phong	7,42	Bảy phẩy bốn hai
14	Nguyễn Tiến Dũng	7,33	Bảy phẩy ba ba	46	Hà Minh Quyết	7,33	Bảy phẩy ba ba

DHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
15	Nông Ngọc Hải	7,92	Bảy phẩy chín hai	47	Lâm Thị Quỳnh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
16	Đàm Thị Hành	8,00	Tám	48	Bàn Tồn Sao	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Hoàng Quang Hậu	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	49	Đinh Thị Hồng Sợi	7,83	Bảy phẩy tám ba
18	Vũ Thị Thu Hiền	7,92	Bảy phẩy chín hai	50	Nông Đức Tài	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hòa	7,92	Bảy phẩy chín hai	51	Nông Hồng Thắm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Lục Xuân Hòa	7,42	Bảy phẩy bốn hai	52	Phan Văn Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Thẩm Đức Hoàng	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Phan Thiêm	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
22	Nông Duy Hoàng	7,92	Bảy phẩy chín hai	54	Đàm Thị Thanh Thủy	8,08	Tám phẩy không tám
23	Hoàng Doãn Hoạt	7,92	Bảy phẩy chín hai	55	Lê Minh Thụy	7,50	Bảy phẩy năm
24	Hoàng Văn Hội	7,42	Bảy phẩy bốn hai	56	Lương Thị Thu Trang	7,92	Bảy phẩy chín hai
25	Lê Thị Hồng	7,58	Bảy phẩy năm tám	57	Nông Thu Trang	8,08	Tám phẩy không tám
26	Hoàng Văn Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	58	Đinh Kiều Trinh	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
27	Đinh Văn Hùng	7,58	Bảy phẩy năm tám	59	Hồ Anh Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Bé Văn Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	60	Nông Thanh Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hoàng Quốc Hưng	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	61	Đoàn Thị Tuyền	7,58	Bảy phẩy năm tám
30	Nông Hồng Hương	7,83	Bảy phẩy tám ba	62	Đoàn Thanh Tuyền	8,08	Tám phẩy không tám
31	Trương Ngọc Hữu	7,33	Bảy phẩy ba ba	63	Trịnh Thị Thanh Tuyền	7,92	Bảy phẩy chín hai
32	Lý Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm				

**GHI ĐIỂM**

*DHlu*

**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐT, BD VÀ NCKH  
K/T TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

*LH*

**Lê Thị Thu**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**